

Số: 02/2021/QST- DS

Ứng Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng A. Trụ sở: T1g 1 và T1g 2 tòa nhà Salling Tower, số 111A Pasteur, phường BN, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị S và chị Đỗ Thị Thanh T – Chức vụ: Cán bộ Xử lý nợ Ngân hàng A. (Theo giấy ủy quyền số 61263.20 ngày 10/8/2020 và số 41934.21 ngày 08/01/2021 của Ngân hàng A).

* **Bị đơn:** Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

- Bà V Thị H1, sinh năm 1939;
- Ông Vương Văn T1, sinh năm 1966;
- Anh Vương QA, sinh năm 1997;

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội;

- Chị Vương Thị T2, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: thôn V, xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội.

Đều có chỗ ở hiện nay: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(bà H1, ông T1, anh QA và chị T2 đều ủy quyền cho bà T1)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận nợ: Bị đơn bà Trịnh Thị T1 xác nhận có vay vốn Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) thông qua việc ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng số 685.18.088.HĐTD ngày 02/4/2018 số tiền vay: 550.000.000 đồng; mục đích vay: sửa chữa nhà. Theo đó, cùng ngày 02/4/2018 bà T1 đã nhận giải ngân khoản tiền 550.000.000 đồng từ ngân hàng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5.685.18.088.KUNN. Tiếp theo, ngày 16/11/2018 bà T1 tiếp tục vay Ngân hàng số tiền 55.000.000 đồng thông qua việc ký kết Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế. Ngoài ra, trong Hợp đồng tín dụng, đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế và khế ước nhận nợ còn có các thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay, và các thỏa thuận khác. Bà Trịnh Thị T1 xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng tổng số tiền (lãi tạm tính đến hết ngày 11/01/2021), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc : 517.854.877 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 104.555.037 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 72.043.082 đồng.

Tổng: **694.452.996** đồng (S trăm chín mươi tư triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín mươi S đồng).

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 26/03/2021 bà Trịnh Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền **694.452.996** đồng, trong đó: nợ gốc: 517.854.877 đồng, Nợ lãi trong hạn: 104.555.037 đồng; Nợ lãi quá hạn: 72.043.082 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 11/01/2021) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế, khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 12/01/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Toàn bộ số tiền khi bà T1 thanh toán, Ngân hàng thu vào nợ gốc trước.

- Về lãi suất: Kể từ ngày 12/01/2021 bà T1 tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, Đăng ký phát hành thẻ Tín dụng Quốc tế và khế ước nhận nợ đã ký kết (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng) trên số dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

- Nếu bà T1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (về thời gian và số tiền trả) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành

án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 148, tờ bản đồ số 77, diện tích là 145,3m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số BU 724483; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CS-UH 01735, do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2017 cho bà Trịnh Thị T1, Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 01383.18; quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/3/2018 của Văn Phòng Công chứng Vạn Xuân, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/03/2018.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà T1 phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ; Ngân hàng. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Bị đơn – bà T1 chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*); Bà T1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*) chậm nhất vào ngày 26/3/2021.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 7.944.500 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 15.889.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm; Bà T1 có đơn xin giảm án phí, giảm cho bà T1 50% phần án phí bà T1 phải chịu (50% của 7.944.500 đồng). Bà T1 còn phải nộp 11.916.750 đồng tiền án phí (*Mười một triệu chín trăm mười S nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng A 14.146.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm bốn mươi S nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009866 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện UH.

3. Tr-ởng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục T.H.A DS huyện UH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

THẨM PHÁN

Tô Thanh Phong